

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ
PHÚC YÊN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Huy Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đặng Văn Vịnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên
Bà Phan Thu Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Phú	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Huy Hải	Giám đốc
Ông Đặng Văn Vịnh	Phó Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Đặng Bích Vân	Trưởng ban
Ông Vũ Khắc Thuần	Thành viên
Ông Ngô Xuân Nhận	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Huệ	Trưởng phòng Tài chính kế toán
-------------------	--------------------------------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Nguyễn Huy Hải

Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 27 tháng 03 năm 2017



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM GIÁM ĐỐC

Nguyễn Huy Hải

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27/03/2017, từ trang 6 đến trang 29 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty.

Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K, các kiểm toán viên đã đưa ý kiến chấp nhận toàn phần.



A blue handwritten signature, likely of the auditor, written over a horizontal line.

Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0666-2014-112-1

Mai Việt Hùng
Kiểm toán viên
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 2334-2014-112- 1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.537.830.834	31.312.283.029
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	919.974.015	14.742.894.852
Tiền	111		919.974.015	13.742.894.852
Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.891.431.231	15.755.092.601
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	20.310.622.695	13.459.824.063
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		34.056.000	139.736.290
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.546.752.536	2.155.532.248
Hàng tồn kho	140		1.104.203.155	300.162.300
Hàng tồn kho	141	8	1.104.203.155	300.162.300
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		622.222.433	514.133.276
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	322.844.836	456.832.225
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	299.377.597	57.301.051
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.980.598.243	28.618.271.765
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		15.928.425.720	21.349.177.520
Tài sản cố định hữu hình	221	9	15.928.425.720	21.349.177.520
- Nguyên giá	222		85.755.126.741	84.899.395.628
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.826.701.021)	(63.550.218.108)
Tài sản dở dang dài hạn	240		6.154.468.978	6.080.643.900
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	6.154.468.978	6.080.643.900
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		897.703.545	1.188.450.345
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	897.703.545	1.188.450.345
TỔNG TÀI SẢN	270		49.518.429.077	59.930.554.794

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		11.603.834.069	15.621.467.767
Nợ ngắn hạn	310		11.603.834.069	15.621.467.767
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	6.701.631.597	9.799.472.084
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.094.088.000	109.088.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	260.640.081	1.075.339.254
Phải trả người lao động	314		227.651.547	1.350.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	800.541.578	1.661.932.163
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.519.281.266	1.625.636.266
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		37.914.595.008	44.309.087.027
Vốn chủ sở hữu	410	14	23.949.766.064	25.572.864.130
Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.739.850.000	20.739.852.567
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.739.850.000	20.739.852.567
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.681.022.925	2.264.208.752
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		528.893.139	2.568.802.811
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	173.110.423
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		528.893.139	2.395.692.388
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		13.964.828.944	18.736.222.897
Nguồn kinh phí	431		6.045.565.644	6.045.565.644
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		7.919.263.300	12.690.657.253
TỔNG NGUỒN VỐN	440		49.518.429.077	59.930.554.794

Vĩnh Phúc, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



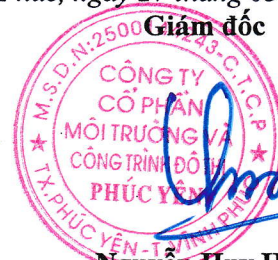
Vũ Khắc Hòa



Nguyễn Thị Huệ



Nguyễn Huy Hải



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	50.199.276.610	52.875.307.913
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		50.199.276.610	52.875.307.913
Giá vốn hàng bán	11	16	44.073.570.275	44.342.364.905
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.125.706.335	8.532.943.008
Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	125.525.566	242.627.268
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18	5.554.125.032	5.482.466.195
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		697.106.869	3.293.104.081
Thu nhập khác	31	19	16.175.524	85.000.000
Chi phí khác	32	20	36.466.005	289.712.744
Lợi nhuận khác	40		(20.290.481)	(204.712.744)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		676.816.388	3.088.391.337
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	147.923.454	692.698.949
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		528.892.934	2.395.692.388
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	255	517
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	23		

Vĩnh Phúc, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Vũ Khắc Hòa



Nguyễn Thị Huệ



Nguyễn Huy Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		48.054.151.573	46.015.687.859
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(38.928.374.200)	(34.039.818.859)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(13.038.859.292)	(11.139.453.825)
Tiền lãi vay đã trả	4		-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(390.000.000)	(1.086.375.931)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		1.268.703.420	2.809.814.140
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(9.311.307.219)	(8.645.474.481)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.345.685.718)	(6.085.621.097)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(338.647.100)	(108.886.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		73.180.381	202.857.731
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(265.466.719)	93.971.731
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.211.768.400)	(1.659.188.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.211.768.400)	(1.659.188.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(13.822.920.837)	(7.650.837.366)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	14.742.894.852	22.393.732.218
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	919.974.015	14.742.894.852

Vĩnh Phúc, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Vũ Khắc Hòa



Nguyễn Thị Huệ



Nguyễn Huy Hải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 2500144243 ngày 17/11/1999. Ngày 04/09/2014 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 06, đường Quốc lộ 2, Làng Mới, phường Hùng Vương, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 20.739.850.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi tỷ bảy trăm ba mươi chín triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng./.*).

Tổng nhân viên tại ngày 31/12/2016 là 216 người (tại ngày 31/12/2015 là 220 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký của Công ty bao gồm:

- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng đường giao thông nội thị, via hè đường bộ và hệ thống nước đô thị;
- Phun nước chống bụi đường trên các tuyến đường;
- Quản lý, sửa chữa, vận hành lưới điện chiếu sáng công cộng, đèn trang trí, đèn tín hiệu giao thông các khu vực công ty được giao quản lý;
- Trồng, tu bổ vườn hoa, công viên, cây xanh, dịch vụ hoa tươi, cây cảnh, trang trí, ươm cây giống;
- Xây dựng công trình đường dây điện tới 35KV và trạm biến áp đến 560KVA;
- Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt công trình điện chiếu sáng công cộng, công trình nước sinh hoạt;
- Dịch vụ trồng, rửa, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện giao thông đường bộ;
- Quản lý nghĩa trang liệt sỹ, nghĩa trang nhân dân và dịch vụ tang lễ;
- Thu gom, vận chuyển xử lý chất thải lỏng;
- Xây dựng, sửa chữa nhà ở và các công trình dân dụng, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Dịch vụ cho thuê xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ bằng ô tô.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là:

Duy trì vệ sinh môi trường, thu gom rác thải, thoát nước và xử lý nước thải, hoạt động dịch vụ phục vụ lễ tang, xây dựng công trình công ích (Quản lý, duy tu, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan (Quản lý, vận hành hệ thống: thoát nước, công viên cây xanh, chiếu sáng công cộng, trang trí đô thị, tín hiệu giao thông), vệ sinh nhà cửa và các công trình khác.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Dịch vụ môi trường đô thị, xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty thông thường diễn ra trong thời gian 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi thông tư 200) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.5 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời gian sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời không quá 2 năm. Các chi phí đã chi trước cho hoạt động kinh doanh nhưng liên quan đến việc tạo ra doanh thu của nhiều năm tại chính Công ty ghi nhận là các khoản chi phí trả trước và tiến hành phân bổ tương ứng với số năm khai thác được doanh thu.

3.6 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

3.7 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.8 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.9 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp, thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, các bên liên quan của Công ty là bao gồm các cổ đông góp vốn, các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm 2016 được Công ty trình bày tại thuyết minh số 26.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.10 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	12.803.515	938.787.901
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	907.170.500	12.804.106.951
Các khoản tương đương tiền (*)	-	1.000.000.000
	919.974.015	14.742.894.852

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng thương mại.

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	322.844.836	456.832.225
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	322.844.836	456.832.225
Dài hạn	897.703.545	1.188.450.345
- Chi phí bằng tiền chờ phân bổ	897.703.545	1.188.450.345
	1.220.548.381	1.645.282.570

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

- Phải thu của khách hàng ngắn hạn**
 - Phòng tài chính Thị xã, Phòng Quản lý đô thị Công ích
 - CT điện CSCC các ngõ thuộc các phường năm 2014
 - CT điện CSCC đường Lê Quang Đạo
 - Các đối tượng khác
- Phải thu của khách hàng dài hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
	20.310.622.695	-	13.459.824.063	-
	16.832.063.095	-	9.997.730.763	-
	1.211.203.000	-	1.010.053.000	-
	451.616.000	-	721.449.000	-
	1.815.740.600	-	1.730.591.300	-
	-	-	-	-
	20.310.622.695	-	13.459.824.063	-

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

7. PHẢI THU KHÁC

- Ngắn hạn**
 - Phải thu về cổ phần hóa ngắn hạn
 - Tạm ứng cho nhân viên
 - Ký cược, ký quỹ
 - Phải thu khác
 - Bảo hiểm xã hội
- Dài hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
	3.546.752.536	-	2.155.532.248	-
	82.165.000	-	142.030.000	-
	164.729.250	-	767.052.549	-
	3.227.114.722	-	1.189.769.537	-
	56.804.769	-	39.985.769	-
	15.938.795	-	16.694.393	-
	-	-	-	-
	3.546.752.536	-	2.155.532.248	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	123.204.547	-	201.849.982	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	980.998.608	-	98.312.318	-
	1.104.203.155	-	300.162.300	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ PHÚC YÊN
Số 06, đường Quốc lộ 2, Làng Mới, phường Hùng Vương, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2016	8.249.185.128	177.224.545	21.005.618.100	214.262.000	55.253.105.855	84.899.395.628
- Mua trong năm	-	-	594.909.091	47.997.500	-	642.906.591
- Đầu tư XDCB hoàn thành	212.824.522	-	-	-	-	212.824.522
31/12/2016	8.462.009.650	177.224.545	21.600.527.191	262.259.500	55.253.105.855	85.755.126.741
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2016	(2.056.935.296)	(124.850.810)	(18.602.399.400)	(203.584.000)	(42.562.448.602)	(63.550.218.108)
- Khấu hao trong năm	(371.731.760)	(18.485.000)	(1.100.460.200)	(14.412.000)	(4.771.393.953)	(6.276.482.913)
- Giám khác	-	-	-	-	-	-
31/12/2016	(2.428.667.056)	(143.335.810)	(19.702.859.600)	(217.996.000)	(47.333.842.555)	(69.826.701.021)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2016	6.192.249.832	52.373.735	2.403.218.700	10.678.000	12.690.657.253	21.349.177.520
31/12/2016	6.033.342.594	33.888.735	1.897.667.591	44.263.500	7.919.263.300	15.928.425.720

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là: 16.503.303.228 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	6.154.468.978	6.080.643.900
- Công trình mương thoát nước phường Trưng	1.065.320.000	1.065.320.000
- Công trình điện CSCC đường Trần Phú	400.000.000	400.000.000
- Công trình chợ trung tâm thị xã Phúc Yên	923.465.800	923.465.800
- Công trình điện CSCC ngõ xóm thị xã Phúc Yên C	3.690.968.000	3.690.968.000
- Công trình khác	74.715.178	890.100
	6.154.468.978	6.080.643.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	6.701.631.597	6.701.631.597	9.799.472.084	9.799.472.084
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Vũ Hải	-	-	1.698.012.728	1.698.012.728
- Cơ sở cây cảnh cây xanh Tân Phúc Vương	1.277.381.833	1.277.381.833	-	-
- Trung Tâm Hoàng Phát	867.593.894	867.593.894	791.268.200	791.268.200
- Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	629.664.000	629.664.000	-	-
- Công ty TNHH Cao Thanh Đạt	650.000.000	650.000.000	-	-
- Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng và Thương mại Sóc Sơn	774.981.788	774.981.788	-	-
- Công ty Cổ phần Việt Phát Hà Nội	307.373.392	307.373.392	358.238.656	358.238.656
- Xí nghiệp Xây dựng Thương mại Nghĩa Bình	177.089.950	177.089.950	1.263.717.000	1.263.717.000
- Trung tâm 3M	3.482.000	3.482.000	753.366.200	753.366.200
- Trung tâm Bắc Hà Nội	-	-	409.805.000	409.805.000
- Trung Tâm Bắc Thăng Long	-	-	425.674.000	425.674.000
- Các đối tượng khác	2.014.064.740	2.014.064.740	4.099.390.300	4.099.390.300
Dài hạn	-	-	-	-
	6.701.631.597	6.701.631.597	9.799.472.084	9.799.472.084

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp (*)	1.075.339.254	2.928.804.866	3.743.504.039	260.640.081
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(57.301.051)	147.923.454	390.000.000	(299.377.597)
- Thuế thu nhập cá nhân	-	21.066.124	21.066.124	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	1.018.038.203	3.100.794.444	4.157.570.163	(38.737.516)
	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế và các khoản phải thu nhà nước	57.301.051	-	-	299.377.597
	57.301.051	-	-	299.377.597

(*) Trong đó, thuế GTGT khấu trừ giữa đầu vào và đầu ra 1.443.927.608 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	800.541.578	1.661.932.163
- Kinh phí công đoàn	198.203.021	145.090.606
- Phải trả về cổ phần hóa	-	576.400.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	602.338.557	940.441.557
+ UBND thị xã	50.000.000	50.000.000
+ Các khoản sửa chữa nhỏ	150.737.000	150.737.000
+ Chi cải tạo sân vườn	51.338.491	72.238.491
+ Lắp đèn pháo hoa	23.895.300	23.895.300
+ Khoản phải trả phải nộp khác	326.367.766	643.570.766
Dài hạn	-	-
	800.541.578	1.661.932.163

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ PHÚC YÊN
Số 06, đường Quốc lộ 2, Làng Mới, phường Hùng Vương, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Nguồn vốn đầu tư XD/CB		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
01/01/2015	19.938.458.567	1.450.208.752	-	801.394.000	2.888.298.423	25.078.359.742	-	2.395.692.388	25.078.359.742
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	2.395.692.388	2.395.692.388	-	(1.056.000.000)	(242.000.000)
- Trích lập các quỹ	-	814.000.000	-	-	(1.056.000.000)	-	-	(1.659.188.000)	(1.659.188.000)
- Có tức trong năm	801.394.000	-	-	(801.394.000)	-	-	-	-	-
- Tặng/ (Giảm) khác	20.739.852.567	2.264.208.752	-	-	2.568.802.811	25.572.864.130	-	-	25.572.864.130
31/12/2015	20.739.852.567	2.264.208.752	-	-	2.568.802.811	25.572.864.130	-	-	25.572.864.130
01/01/2016	-	-	-	-	528.892.934	528.892.934	-	528.892.934	528.892.934
- Lãi trong năm	-	416.811.606	-	-	(1.324.411.606)	(907.600.000)	-	(907.600.000)	(907.600.000)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.244.391.000)	-	-	(1.244.391.000)	(1.244.391.000)
- Có tức trong năm	(2.567)	2.567	-	-	-	-	-	-	-
- (Giảm)/ tăng khác	20.739.850.000	2.681.022.925	-	-	528.893.139	23.949.766.064	-	-	23.949.766.064
31/12/2016	20.739.850.000	2.681.022.925	-	-	528.893.139	23.949.766.064	-	-	23.949.766.064

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

14.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ủy Ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc	17.724.240.000	17.724.242.567
Cổ đông khác	3.015.610.000	3.015.610.000
	20.739.850.000	20.739.852.567

14.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.739.852.567	20.739.852.567
+ Vốn góp đầu năm	20.739.852.567	19.938.458.567
+ Vốn góp tăng trong năm	-	801.394.000
+ Vốn góp giảm trong năm	2.567	-
+ Vốn góp cuối năm	20.739.850.000	20.739.852.567
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.568.802.606	2.715.188.000

14.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2016	01/01/2016
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.073.985	2.073.985
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.073.985	2.073.985
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.073.985	2.073.985
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.073.985	2.073.985
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.073.985	2.073.985
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

14.6 CÁC QUỸ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.681.022.925	2.264.208.752

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. DOANH THU BÁN HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	50.199.276.610	52.875.307.913
- Doanh thu DV môi trường	19.834.619.855	21.950.697.395
- Doanh thu phí vệ sinh môi trường	952.279.000	919.792.000
- Doanh thu DV cây xanh	10.952.159.601	10.616.718.099
- Doanh thu DV điện CSCC	4.780.463.364	8.193.216.394
- Doanh thu DV thoát nước	1.462.926.857	374.826.121
- Doanh thu DV công ích khác	5.735.721.654	2.499.053.657
- Doanh thu DV thuê xe	1.370.595.454	606.545.454
- Doanh thu DV khác	2.026.066.818	2.073.489.545
- Doanh thu xây dựng công trình	3.084.444.007	5.640.969.248
	50.199.276.610	52.875.307.913
Doanh thu với các bên liên quan	-	-

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	44.073.570.275	44.342.364.905
	44.073.570.275	44.342.364.905

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	125.525.566	242.627.268
	125.525.566	242.627.268

18. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	5.554.125.032	5.482.466.195
Chi phí nhân viên quản lý	2.423.918.798	2.183.546.335
Chi phí đồ dùng văn phòng	103.658.200	113.111.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	324.461.000	370.025.000
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	893.923.976	917.329.457
Chi phí bằng tiền khác	1.805.163.058	1.898.454.403
Các khoản chi phí bán hàng	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu Ban giải phóng mặt bằng chi bồi thường	15.930.000	-
- GPMB đường Nguyễn Trãi		
- Các khoản khác	245.524	85.000.000
	16.175.524	85.000.000

20. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
- Các khoản chi phí khác	36.466.005	289.712.744
	36.466.005	289.712.744

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	676.816.388	3.088.391.337
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
- Các khoản chi phí	63.046.005	60.240.249
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	245.124	-
Chuyển lỗ các năm trước		-
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	739.617.269	3.148.631.586
Thuế suất	20%	22%
Thuế TNDN phải trả ước tính	147.923.454	692.698.949
Chi phí thuế TNDN hiện hành	147.923.454	692.698.949

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	528.892.934	1.071.280.782
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	2.073.985	2.073.985
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	255	517
(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	528.892.934	2.395.692.388
Số trích quỹ khen thưởng	-	(1.324.411.606)
Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	528.892.934	1.071.280.782

Trong năm 2016, Công ty thực hiện trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 số tiền 1.324.411.606 đồng. Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 được điều chỉnh lại, số trước điều chỉnh là 1.155 đồng.

ii) Số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành

	Năm 2016	Năm 2015
	CP	CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	2.073.985	2.073.985
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	2.073.985	2.073.985

23. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, Công ty không xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu.

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016
	VND
Chi phí nguyên vật liệu	9.867.699.095
Chi phí nhân công	18.806.320.627
Khấu hao tài sản cố định	1.505.088.960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.450.437.349
Chi phí máy	2.189.986.218
Chi phí bằng tiền khác	1.808.163.058
	49.627.695.307

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lí rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.10.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2016	Giá trị ghi sổ 01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	919.974.015	14.742.894.852
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.367.427.464	14.689.579.369
	21.287.401.479	29.432.474.221
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	7.303.970.154	10.739.913.641
	7.303.970.154	10.739.913.641
Trạng thái ròng	13.983.431.325	18.692.560.580

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Rủi ro thị trường

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	7.303.970.154	-	7.303.970.154
	7.303.970.154	-	7.303.970.154
01/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	10.739.913.641	-	10.739.913.641
	10.739.913.641	-	10.739.913.641

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	919.974.015	-	919.974.015
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.367.427.464	-	20.367.427.464
	21.287.401.479	-	21.287.401.479
01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.742.894.852	-	14.742.894.852
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.689.579.369	-	14.689.579.369
	29.432.474.221	-	29.432.474.221

26. THÔNG TIN KHÁC

26.1 BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát		
Tiền lương, thưởng	1.232.849.000	1.345.422.000

26.2 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty chỉ theo dõi một bộ phận duy nhất là bộ phận hoạt động vệ sinh môi trường trên 1 lãnh thổ địa lý duy nhất. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

26.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K.

Vĩnh Phúc, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Vũ Khắc Hòa



Nguyễn Thị Huệ



Nguyễn Huy Hải